

Đời Sống Văn Hóa Làng Và Tâm Lý Cộng Đồng Làng

Tùy theo cách tiếp cận, khái niệm văn hóa có thể được hiểu với nội hàm và ngoại diên hết sức khác nhau, nên khái niệm đời sống văn hóa cũng rất đa dạng. Trong bài này, khái niệm văn hóa được hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ với tư cách là một lĩnh vực của đời sống liên quan đến sự sáng tạo và hưởng thụ, các sản phẩm văn hóa ở đây chính là quá trình sản xuất, phân phối, lưu giữ, tiêu thụ các sản phẩm văn hóa. Các sản phẩm văn hóa tồn tại trong đời sống văn hóa dưới 2 dạng: dạng thiết chế hóa và dạng thể chế hóa.

Với cách hiểu như vậy thì đời sống văn hóa làng chính là quá trình sáng tạo và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa trong phạm vi làng xã.

Các sản phẩm văn hóa làng ở dưới dạng thiết chế là đình, chùa, đền, miếu, bến nước (giếng nước), trụ sở ủy ban, nhà văn hóa, sân vận động, bãi chiếu phim,...v.v... và ở dưới dạng thể chế như các phong tục, tập quán, lối sống, các lễ Tết và lễ hội, các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nghệ thuật dân gian và các trò chơi,...v.v...

Đình chùa, đền, miếu là các thiết chế văn hóa cổ truyền gắn bó lâu đời với làng Việt, là nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng cộng đồng (lễ hội, rước sách, tế lễ, các trò chơi), là nơi dân làng thường xuyên tụ họp, gặp gỡ giao lưu. Mái đình, cây đa, bến nước, ngôi chùa gắn bó số phận và cuộc đời của mỗi người trong làng lại với nhau. Mỗi người dân làng, khi nghĩ về những nơi đó đều có những tình cảm hết sức đặc biệt, gắn với những kỷ niệm khó quên: "Qua đình ngả nón trông đình, Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu"; "Đêm qua tát nước đầu đình, Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen"; "Mình thương mình gửi chút tình, Nuôi anh mua gỗ dựng đình làng ta",...v.v.v..

Ngoài Tết Nguyên đán là lễ Tết lớn nhất, người Việt còn có các lễ Tết như: Tết Thượng nguyên vào rằm tháng giêng; Tết Trung nguyên vào rằm tháng bảy; Tết Hạ nguyên vào rằm tháng mười, Tết Trung thu vào rằm tháng tám; Tết Hàn thực vào ngày ba tháng ba; Tết Đoan Ngọ vào ngày năm tháng năm; Tết Ngâu ngày bảy tháng bảy; Tết Ông Táo ngày 25 tháng chạp,...v.v.... Tuy chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, nhưng Tết của ta vẫn mang trọn những đặc trưng văn hóa của người Việt.

Tết, nhất là Tết Nguyên đán, là thời điểm sum họp của gia đình, họ tộc và dân làng. Vào ngày Tết, người ta tạm nghỉ mọi công việc làm ăn, gạt ra những lo toan vất vả của cuộc sống ngày thường, mọi người trở nên thân mật, cởi mở, thăm viếng chúc tụng lẫn nhau trong không khí vui vẻ, ấm cúng. Tết là thời điểm nở rộ các sinh hoạt văn hóa cộng đồng - đặc biệt là các trò vui chơi giải trí. Trong những ngày Tết, tình cảm cộng đồng, gia đình, họ tộc, xóm giềng được hâm nóng và thăng hoa trong các sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng. Cho nên, Tết - nhất là Tết Nguyên đán - có sức hút kỳ lạ. Những người dân làng đi làm ăn xa mong Tết đến để được trở về làng, sum họp với gia đình, họ tộc và bà con làng xóm.

Hầu như làng Việt nào cũng có lễ hội riêng của mình. Các lễ hội vùng thường có nguồn gốc từ lễ hội làng, do lễ hội làng phát triển lên. Vì vậy, trong lễ hội vùng bao giờ cũng có một làng làm trung tâm lễ hội, và dân làng bao giờ cũng lễ hội đó trước hết là lễ hội của làng mình. Lễ hội tập trung vào hai mùa lễ hội. Có những vùng lễ hội diễn ra liên tiếp và với mật độ khá dày như ở vùng Kinh Bắc: "Mồng bảy hội Khâm; Mồng tám hội Dầu; Mồng chín đầu đầu cũng về hội Gióng...".

Lễ hội gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ là phần tín ngưỡng với mục đích là trình với thần linh, cầu xin và tạ ơn thần linh đã bảo trợ cho cuộc sống của dân làng. Phần lễ có những nghi thức long trọng, uy nghiêm, được tiến hành theo quy trình chặt chẽ, thống nhất: cáo, hiến tế, cầu xin, tạ ơn với sự tham gia của đông đảo dân làng. Lễ tạo ra cảm giác cộng mệnh của những người có cùng tín ngưỡng. Bằng cách đó, lễ làm tăng thêm tình cảm gắn bó cộng đồng làng. Phần hội gồm nhiều trò chơi giải trí có tính cộng đồng cao, cuốn hút nhiều người tham gia như cướp cầu thả lỗ, đánh đáo, đánh đu, cõm thì cõm cần, kéo co, đánh vật, bịt mắt bắt chạch trong chum, chọi trâu, chọi gà, chọi cá,v.v... Nếu như phần lễ là những nghi thức tôn kính, trang nghiêm thì phần hội ồn ào, náo nhiệt, hào hứng cởi mở, vui chơi hết mình. Phần hội tạo không khí vui tươi, phấn khởi, hòa đồng, đoàn kết giữa những người dân làng. Bằng cách đó, hội góp phần củng cố tâm lý cộng đồng làng.

Lễ Tết và lễ hội là sự kết hợp uyển chuyển giữa cái linh thiêng với cái đời thường, cuốn hút các cá nhân hòa nhập vào cộng đồng, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó, hòa đồng giữa những người dân làng. Lễ Tết và lễ hội là một trong những cơ sở củng cố tâm lý cộng đồng làng.

Phong tục, tập quán là những thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội từ lâu đời được đa số thừa nhận và làm theo. Người Việt Nam có câu: "đất lành què thói", ám chỉ mỗi vùng quê có những phong tục tập quán riêng của mình. Phong tục, tập quán, khi đã hình thành có sức ỳ rất lớn, bởi nó là chuẩn mực hành vi và kẻ bên nó là sức mạnh của sự đe dọa "búa rìu dư luận" cho bất kỳ sự vi phạm nào. Con người trong làng xã Việt Nam, trước hết là con người cộng đồng, nên họ rất đề cao dư luận xã hội.

Các phong tục, tập quán trong làng xã Việt rất coi trọng tính cộng đồng, chúng xuất phát từ lợi ích của cộng đồng hơn là lợi ích cá nhân.

Đến như trong lĩnh vực hôn nhân, một lĩnh vực có thể nói là riêng tư nhất của con người nhưng ở trong làng Việt trước đây, hôn nhân, trước hết là công việc của hai bên gia đình, của hai họ, vì lợi ích của hai cộng đồng. Hôn nhân phải coi trọng quyền lợi của làng, bảo đảm sự ổn định của làng, trước hết là bảo đảm ổn định nhân lực, tránh sự xáo trộn dân cư, xáo trộn văn hóa, lối sống, tránh mang những cái ngoại lai vào làng. Bởi vậy, phong tục của làng động viên khuyến khích trai gái trong làng lấy nhau: "Trâu ta ăn cỏ đồng ta, bao giờ hết cỏ mới ra đồng người"; "Lấy chồng khó giữa làng, hơn lấy chồng sang thiên hạ",...v.v.v.... Bởi vậy, nên tục nộp cheo quy định trai gái lấy nhau phải nộp cheo, và cheo ngoại phải nặng gấp nhiều lần cheo nội: "Nuôi lợn thì phải vớt bèo, lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng"; "Lấy vợ mười heo, không cheo cũng mất";

Phong tục tang ma cũng thể hiện tính cộng đồng. "Nghĩa tử là nghĩa tận", đám tang không phải là công việc riêng của gia đình có người chết mà là công việc của cả họ, của nhiều cộng đồng trong đó có cộng đồng làng xóm: "Họ đương ba tháng; xóm giềng ba ngày"; "Láng giềng còn ba ngày, chồng cô vợ cậu một ngày cũng không";

Cách mạng Tháng Tám khởi đầu cho những thay đổi lớn trong đời sống làng xã Việt Nam, trong đó có văn hóa làng. Nếp sống văn hóa mới cùng những phong trào vận động văn hóa đã đẩy lùi dần những tàn dư văn hóa phong kiến thực dân, những thói hư tật xấu, những hủ tục lạc hậu trong đời sống văn hóa làng Việt. Đời sống văn hóa mới được định hướng theo những giá trị của CNXH, bước đầu làm mờ nhạt ranh giới không gian văn hóa giữa các làng. Các giá trị văn hóa làng được xây dựng trên cơ sở những giá trị chung của văn hóa XHCN, tương đồng với các giá trị văn hóa của các làng khác. Đời sống văn hóa đó đã góp phần làm giảm tính đóng kín, cục bộ làng xã trong tâm lý cộng đồng làng.

Tuy nhiên trong nhiều năm trước đây, việc xây dựng đời sống văn hóa mới ở làng xã đã có những thiếu sót đáng tiếc - đặc biệt là trong việc kế thừa các giá trị văn hóa làng truyền thống.

Thiếu sót này tồn tại trong cách nhìn thiên cận của một số người, trong đó có những người làm công tác văn hóa, chỉ thấy những mặt tiêu cực, lạc hậu trong các thiết chế và thể chế văn hóa cổ truyền làng xã, coi các thiết chế và thể chế này chỉ gắn với chế độ phong kiến — thực dân mà không thấy được những giá trị trường tồn, những mặt tích cực gắn với truyền thống cộng đồng và gắn với nhân dân lao động. Từ đó đã có những đối xử không đúng đối với các thiết chế và thể chế văn hóa truyền thống cộng đồng làng. Đình làng đã không được quan tâm bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo như là một di sản văn hóa chung. Đình làng bị đem ra sử dụng bừa bãi, thiếu cân nhắc, vì thế ở nhiều nơi đã biến nó thành kho chứa, trường học, trụ sở, bệnh xá (tạm thời), v.v... Thậm chí có nơi còn bị dỡ bỏ đi để xây lên đó một công trình kiến trúc hiện đại.

Sự xuống cấp của ngôi đình với tư cách là một thiết chế văn hóa cộng đồng - cũng đồng nghĩa với sự xuống cấp của một cơ sở củng cố tâm lý cộng đồng làng. Số phận của các thiết chế văn hóa khác như chùa, đền, miếu cũng diễn ra tương tự.

Cùng với các thiết chế văn hóa cổ truyền một số thể chế văn hóa làng xã như hội làng, hương ước, một số phong tục, tập quán, một vài loại hình nghệ thuật dân gian, ..v.v.... cũng tàn lụi dần. Sự tàn lụi ở đây bao gồm quá trình tàn lụi hợp quy luật, khi một số yếu tố văn hóa không còn hợp thời nữa nên bị cuộc sống đào thải, đồng thời sự tàn lụi cũng do xuất phát từ những sai lầm chủ quan, không biết sử dụng và phát huy những nét tích cực trong các thể chế văn hóa cổ truyền làng xã.

Cách nhìn thiên cận chỉ thấy những mặt tiêu cực trong các thiết chế, thể chế văn hóa cổ truyền là một biểu hiện của khuynh hướng phủ nhận sạch trơn nền văn hóa quá khứ. Lênin đã từng phê phán kịch liệt quan điểm này của phái "văn hóa vô sản". Thay vì hạ bức phù điêu: "Thánh cung vạn tuế", "Thánh thọ vô cương" treo ở đình làng và làm mất luôn biểu tượng "mái đình cây đa" vang bóng một thời vốn gắn với tình yêu quê hương đất nước và những tình cảm cộng đồng của mỗi người dân làng.

Sự mai một và tàn lụi của một số thiết chế, thể chế văn hóa làng truyền thống làm cho những mối liên kết cộng đồng làng dựa trên những thiết chế, thể chế đó bị suy yếu. Lẽ đương nhiên, tâm lý cộng đồng làng cũng bị suy yếu theo.

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới ở cơ sở chúng ta đã thiết lập được một hệ thống các thiết chế và thể chế văn hóa mới: nhà văn hóa, thư viện, phòng đọc sách, đội thông tin, đội văn nghệ quần chúng, đài truyền thanh, nếp sống mới, gia đình văn hóa mới, ...v.v... Những thành tựu mà các thiết chế và các thể chế văn hóa này mang lại cho đời sống văn hóa làng là to lớn và không thể phủ nhận được.

Nhưng trong điều kiện kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, kế hoạch thiết lập một mạng lưới dày đặc các thiết chế văn hóa ở cơ sở cũng như để duy trì các hoạt động xoay quanh các thiết chế đó là một gánh nặng quá lớn đối với nền kinh tế, khó có thể thực hiện đầy đủ. Vì vậy, mặc dù đã có những cố gắng nhất định nhưng số lượng các thiết chế văn hóa cơ sở mới chỉ dừng lại ở con số rất khiêm tốn nếu đem so với sự dày đặc của các thiết chế văn hóa làng. Thiết chế văn hóa cơ sở mới chỉ dừng lại ở cấp liên làng, thậm chí liên xã. Chỉ xét về số lượng các thiết chế văn hóa mới, chưa thể đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân nông thôn vốn còn chiếm 80% dân số cả nước.

Mặt khác, trong thời kỳ bao cấp, quá trình xây dựng đời sống văn hóa cơ sở vận hành theo cơ chế cấp phát, chỉ chú trọng chiều từ trên xuống. Cơ chế đó khiến cho các thiết chế và thể chế văn hóa mới ở cơ sở mang nặng tính đại trà, đồng loạt, áp đặt từ trên xuống, ít mang dấu ấn sáng tạo của quần chúng nhân dân ở cơ sở, nên ít mang nét bản sắc độc đáo của mỗi làng, mỗi vùng, người dân làng chưa coi mình là chủ thể thực sự của những thiết chế và thể chế văn hóa đó. Từ đó, vai trò gắn kết cộng đồng và củng cố tâm lý cộng đồng của các thiết chế và thể chế văn hóa mới không lớn như mong muốn.

Sang giai đoạn đổi mới, khi những bao cấp trong lĩnh vực văn hóa (đặc biệt ở cấp cơ sở) bị cắt giảm thì hệ thống thiết chế và thể chế được xây dựng trong thời bao cấp bị sa sút nghiêm trọng. Về số lượng, đến năm 1991, số nhà văn hóa xã phường giảm từ 1.487 xuống còn 1.238; thư viện huyện và cơ sở giảm từ 6.876 xuống còn 2.575 cái; số đội văn nghệ quần chúng giảm từ 16.252 xuống còn 9.504 đội. Các thiết chế và thể chế văn hóa còn lại cũng hoạt động cầm chừng.

Trong khi các thiết chế và thể chế văn hóa mới giảm sút về số lượng và chất lượng hoạt động thì có sự phục hưng mạnh mẽ của các thiết chế và thể chế văn hóa cổ truyền làng xã. Những đình, chùa, đền, miếu được sửa sang, tu bổ, thậm chí xây mới, các hội làng đua nhau nở rộ khắp nơi, nhiều phong tục, tập quán được phục hồi, đa dạng và phong phú, kết hợp giữa truyền thống và cách tân. Trong sự phục hưng văn hóa này người ta rất chú trọng đến bản sắc văn hóa của cộng đồng chủ thể - đặc biệt là bản sắc văn hóa làng.

Những chuyển biến như vậy trong đời sống văn hóa làng xã là kết quả của quá trình hiện thực hóa đường lối đổi mới của Đảng ta, trong đó có đổi mới về văn hóa.

Sự phục hưng các thiết chế và thể chế văn hóa làng truyền thống trên cơ sở coi trọng bản sắc văn hóa làng cho thấy nhu cầu liên kết cộng đồng đang rất mạnh trong nông thôn Việt Nam.

Vấn đề đặt ra là: với những ưu thế trong quy mô dân số - lãnh thổ, với truyền thống lịch sử - văn hóa - tín ngưỡng có nhiều nét riêng, với những thiết chế và thể chế văn hóa - tín ngưỡng cộng đồng sẵn có, mang nhiều nét đẹp, liệu có thể dựa vào làng để xây dựng nền văn hóa mới ở cơ sở được không? Thiết nghĩ, đó là việc nên làm và có thể làm được.

(Thông tin lý luận - 11/1998)